

Nội dung bài viết

1. [Trả lời câu hỏi SGK Bài 2 Toán lớp 6 Chân trời sáng tạo](#)
2. [Giải bài tập SGK Toán 6 Chân trời sáng tạo Bài 2](#)

Mời các em học sinh và quý thầy cô tham khảo ngay hướng dẫn **Giải bài tập Toán 6 Bài 2: Các phép tính với số thập phân Chân trời sáng tạo** (chính xác nhất) được đội ngũ chuyên gia biên soạn ngắn gọn và đầy đủ, có đáp án chi tiết cho từng bài tập giúp các em học sinh ôn tập những dạng bài để học tốt được môn Toán lớp 6. Mời các em cùng tham khảo chi tiết dưới đây.

Trả lời câu hỏi SGK Bài 2 Toán lớp 6 Chân trời sáng tạo

Hoạt động khám phá 1 trang 32 Toán lớp 6 Tập 2: a) Thực hiện các phép tính sau:

$$12,3 + 5,67 = ?$$

$$12,3 - 5,67 = ?$$

b) Áp dụng quy tắc tương tự như đối với phép cộng và trừ số nguyên, hãy thực hiện các phép tính sau:

$$(-12,3) + (-5,67) = ?$$

$$5,67 - 12,3 = ?$$

Lời giải:

a) Đưa các số thập phân trên về phân số thập phân (ta nên về phân số thập phân có cùng mẫu số để tiện cho việc cộng trừ các phân số), ta được:

$$12,3 = \frac{1230}{100}; 5,67 = \frac{567}{100}$$

Ta thực hiện:

$$12,3 + 5,67 = \frac{1230}{100} + \frac{567}{100} = \frac{1797}{100} = 17,97;$$

$$12,3 - 5,67 = \frac{1230}{100} - \frac{567}{100} = \frac{663}{100} = 6,63.$$

* Quy tắc phép cộng và trừ số nguyên:

- Muốn cộng hai số nguyên âm, ta cộng hai số đối của chúng rồi thêm dấu trừ trước kết quả.

- Muốn cộng hai số nguyên trái dấu, ta làm như sau:

+ Nếu số dương lớn hơn hoặc bằng số đối của số âm thì ta lấy số dương trừ đi số đối của số âm.

+ Nếu số dương nhỏ hơn số đối của số âm thì ta lấy số đối của số âm trừ đi số dương rồi thêm dấu trừ trước kết quả.

Phép tính: $(-12,3) + (-5,67)$ là phép cộng của hai số nguyên âm.

Ta thực hiện: $(-12,3) + (-5,67) = -(12,3 + 5,67) = -17,97$.

Phép tính $5,67 - 12,3$ là phép cộng hai số nguyên trái dấu.

Số dương là 5,67 nhỏ hơn số đối của số âm là 12,3 thì ta lấy số đối của số âm là 12,3 trừ đi số dương là 5,67 rồi thêm dấu trừ trước kết quả

$5,67 - 12,3 = -(12,3 - 5,67) = -6,63$.

Thực hành 1 trang 33 Toán lớp 6 Tập 2: Thực hiện các phép tính:

a) $3,7 - 4,32$;

b) $-5,5 + 90,67$;

c) $0,8 - 3,1651$;

d) $0,77 - 5,3333$;

e) $-5,5 + 9,007$;

g) $0,008 - 3,9999$.

Lời giải:

a) Trong phép tính: $3,7 - 4,32$ có số dương là $3,7$ nhỏ hơn số đối của số âm là $4,32$.

Nên ta lấy số đối của số âm là $4,32$ trừ đi số dương là $3,7$ và thêm dấu trừ ($-$) trước kết quả.

Ta thực hiện: $3,7 - 4,32 = -(4,32 - 3,7) = -0,62$.

b) Trong phép tính $-5,5 + 90,67$ có số dương là $90,67$ lớn hơn số đối của số âm là $5,5$, ta lấy số dương là $90,67$ trừ đi số đối của số âm là $5,5$.

Ta thực hiện: $-5,5 + 90,67 = 90,67 - 5,5 = 85,17$.

c) Trong phép tính $0,8 - 3,1651$ có số dương là $0,8$ nhỏ hơn số đối của số âm là $3,1651$.

Nên ta lấy số đối của số âm là $3,1651$ trừ đi số dương là $0,8$ và thêm dấu trừ ($-$) trước kết quả.

Ta thực hiện: $0,8 - 3,1651 = -(3,1651 - 0,8) = -2,3651$.

d) Trong phép tính $0,77 - 5,3333$ có số dương là $0,77$ nhỏ hơn số đối của số âm là $5,3333$.

Nên ta lấy số đối của số âm là $5,3333$ trừ đi số dương là $0,77$ và thêm dấu trừ ($-$) trước kết quả.

Ta thực hiện: $0,77 - 5,3333 = -(5,3333 - 0,77) = -4,5633$.

e) $-5,5 + 9,007$;

Trong phép tính này: số dương là $9,007$ lớn hơn số đối của số âm là $5,5$, ta lấy số dương là $9,007$ trừ đi số đối của số âm là $5,5$.

Ta thực hiện: $-5,5 + 9,007 = 9,007 - 5,5 = 3,507$.

g) Trong phép tính $0,008 - 3,9999$ có số dương là $0,008$ nhỏ hơn số đối của số âm là $3,9999$.

Nên ta lấy số đối của số âm là $3,9999$ trừ đi số dương là $0,008$ và thêm dấu trừ ($-$) trước kết quả.

Ta thực hiện: $0,008 - 3,9999 = -(3,9999 - 0,008) = -3,9919$.

Vận dụng 1 trang 33 Toán lớp 6 Tập 2: Cho biết một quả chuối nặng 100 g có chứa:

- Chất béo: 0,3 g;

- Kali: 0,42 g.



Em hãy cho biết trong quả chuối đó, khối lượng kali nhiều hơn khối lượng chất béo là bao nhiêu?

Lời giải:

Khối lượng kali nhiều hơn khối lượng chất béo là:

$$0,42 - 0,3 = 0,12 \text{ (g)}.$$

Vậy trong quả chuối nặng 100 g, khối lượng kali nhiều hơn khối lượng chất béo là 0,12 g.

Hoạt động khám phá 2 trang 33 Toán lớp 6 Tập 2: a) Thực hiện các phép tính sau:

$$1,2 \cdot 2,5;$$

$$125 : 0,25.$$

b) Thực hiện lại các phép tính ở câu a bằng cách đưa về phép tính với phân số thập phân.

Lời giải:

a) Đưa các số thập phân trên về phân số, ta được:

$$1,2 = \frac{12}{10} = \frac{6}{5}; 2,5 = \frac{25}{10} = \frac{5}{2}; 0,25 = \frac{25}{100} = \frac{1}{4}.$$

Ta thực hiện:

$$1,2 \cdot 2,5 = \frac{6}{5} \cdot \frac{5}{2} = \frac{30}{10} = 3;$$

$$125 : 0,25 = 125 : \frac{1}{4} = 125 \cdot \frac{4}{1} = 125 \cdot 4 = 500.$$

b) Đưa các số trên về phân số thập phân, ta được:

$$1,2 = \frac{12}{10}; 2,5 = \frac{25}{10}; 0,25 = \frac{25}{100}.$$

Ta thực hiện:

$$1,2 \cdot 2,5 = \frac{12}{10} \cdot \frac{25}{10} = \frac{300}{100} = 3;$$

$$125 : 0,25 = 125 : \frac{25}{100} = 125 \cdot \frac{100}{25} = 125 \cdot 4 = 500.$$

Thực hành 2 trang 34 Toán lớp 6 Tập 2: Thực hiện các phép tính sau:

a) $20,24 \cdot 0,125;$

b) $6,24 : 0,125;$

c) $2,40 \cdot 0,875;$

d) $12,75 : 2,125.$

Lời giải:

a) Phép tính $20,24 \cdot 0,125$ là phép nhân hai số thập phân dương, ta làm như sau:

- Bỏ dấu phẩy ở các số thập phân rồi thực hiện phép nhân hai số tự nhiên.

Ta tính được: $2024 \cdot 125 = 253\ 000.$

- Phần thập phân ở cả hai thừa số có tất cả 5 chữ số.

- Dùng dấu phẩy tách ở tích ra 5 chữ số từ phải sang trái, ta được 2,53.

Vậy $20,24 \cdot 0,125 = 2,53$.

b) Phép tính $6,24 : 0,125$ là phép chia hai số thập phân dương, ta làm như sau:

- Phần thập phân của số chia và số bị chia lần lượt có 3 chữ số và 2 chữ số.

- Chuyển dấu phẩy ở số bị chia sang bên phải 3 chữ số (ở đây số bị chia còn thiếu 1 chữ số để chuyển nên ta thêm 1 chữ số 0 vào bên phải số bị chia), ta được số bị chia mới là 6240.

- Bỏ dấu phẩy ở số chia, ta được số chia mới là: 125.

- Ta thực hiện phép chia: $6240 : 125 = 49,92$.

Vậy $6,24 : 0,125 = 6240 : 125 = 49,92$.

c) Ta có: $2,40 \cdot 0,875 = 2,4 \cdot 0,875$.

Phép tính $2,4 \cdot 0,875$ là phép nhân hai số thập phân dương, ta làm như sau:

- Bỏ dấu phẩy ở các số thập phân rồi thực hiện phép nhân hai số tự nhiên.

Ta tính được: $24 \cdot 875 = 21\ 000$.

- Phần thập phân ở cả hai thừa số có tất cả 4 chữ số.

- Dùng dấu phẩy tách ở tích ra 4 chữ số từ phải sang trái, ta được 2,1.

Vậy $2,40 \cdot 0,875 = 2,1$.

d) Phép tính $12,75 : 2,125$ là phép chia hai số thập phân dương, ta làm như sau:

- Phần thập phân của số chia và số bị chia lần lượt có 3 chữ số và 2 chữ số.

- Chuyển dấu phẩy ở số bị chia sang bên phải 3 chữ số (ở đây số bị chia còn thiếu 1 chữ số để chuyển nên ta thêm 1 chữ số 0 vào bên phải số bị chia), ta được số bị chia mới là 12 750.

- Bỏ dấu phẩy ở số chia, ta được số chia mới là: 2 125.

- Ta thực hiện phép chia: $12\ 750 : 2\ 125 = 6$.

Vậy $12,75 : 2,125 = 12\,750 : 2\,125 = 6$.

Vận dụng 2 trang 34 Toán lớp 6 Tập 2: Cho biết một quả chuối nặng 100 g có chứa:

- Đường: 12,1 g;

- Protein: 1,1 g.

Em hãy cho biết trong quả chuối đó, khối lượng đường nhiều gấp mấy lần khối lượng protein?

Lời giải:

Khối lượng đường nhiều gấp số lần khối lượng protein là:

$$12,1 : 1,1 = 11 \text{ (lần)}.$$

Vậy trong quả chuối nặng 100 g, khối lượng đường gấp 11 lần khối lượng protein.

Hoạt động khám phá 3 trang 34 Toán lớp 6 Tập 2: a) Cho hai số thập phân $x = 14,3$ và $y = 2,5$.

Hãy tính $x \cdot y$ và $x : y$.

b) Hãy dùng quy tắc dấu của tích và thương hai số nguyên để tìm kết quả của các phép tính sau:

$$(-14,3) \cdot (-2,5) = ?$$

$$(-14,3) : (-2,5) = ?$$

$$(-14,3) \cdot (2,5) = ?$$

$$(-14,3) : (2,5) = ?$$

$$(14,3) \cdot (-2,5) = ?$$

$$(14,3) : (-2,5) = ?$$

Lời giải:

a) Thay $x = 14,3$ và $y = 2,5$ vào các phép tính $x \cdot y$ và $x : y$.

* Phép tính $14,3 \cdot 2,5$ là phép nhân hai số thập phân dương, ta làm như sau:

- Bỏ dấu phẩy ở các số thập phân rồi thực hiện phép nhân hai số tự nhiên.

Ta tính được: $143 \cdot 25 = 3575$.

- Phần thập phân ở cả hai thừa số có tất cả 2 chữ số.

- Dùng dấu phẩy tách ở tích ra 2 chữ số từ phải sang trái, ta được 35,75.

Do đó $x \cdot y = 14,3 \cdot 2,5 = 35,75$.

* Phép tính $14,3 : 2,5$ là phép chia hai số thập phân dương, ta làm như sau:

- Phần thập phân của số chia và số bị chia đều có 1 chữ số.

- Chuyển dấu phẩy ở số bị chia sang bên phải 1 chữ số, ta được số bị chia mới là 143.

- Bỏ dấu phẩy ở số chia, ta được số chia mới là: 25.

- Ta thực hiện phép chia: $143 : 25 = 5,72$.

Do đó $x : y = 14,3 : 2,5 = 143 : 25 = 5,72$.

Vậy $x \cdot y = 35,75$ và $x : y = 5,72$.

b) Dùng quy tắc dấu của tích và thương hai số nguyên vào các phép tính, ta được:

* Phép tính $(-14,3) \cdot (-2,5)$ là phép nhân hai số âm, ta nhân hai giá trị tuyệt đối của chúng.

Ta thực hiện: $(-14,3) \cdot (-2,5) = |-14,3| \cdot |-2,5| = 14,3 \cdot 2,5 = 35,75$.

* Phép tính $(-14,3) : (-2,5)$ là phép chia hai số âm, ta chia hai giá trị tuyệt đối của chúng.

Ta thực hiện: $(-14,3) : (-2,5) = |-14,3| : |-2,5| = 14,3 : 2,5 = 5,72$.

* Phép tính $(-14,3) \cdot (2,5)$ là phép nhân số âm với số dương, ta nhân hai giá trị tuyệt đối của chúng rồi thêm dấu trừ vào trước kết quả.

Ta thực hiện: $(-14,3) \cdot (2,5) = -(|-14,3| \cdot |2,5|) = -(14,3 \cdot 2,5) = -35,75$.

* Phép tính $(-14,3) : (2,5)$ là phép chia số âm cho số dương, ta chia hai giá trị tuyệt đối của chúng rồi thêm dấu trừ vào trước kết quả.

Ta thực hiện: $(-14,3) : (2,5) = -(|-14,3| : |2,5|) = -(14,3 : 2,5) = -5,72$.

* Phép tính $(14,3) \cdot (-2,5)$ là phép nhân số dương với số âm, ta nhân hai giá trị tuyệt đối của chúng rồi thêm dấu trừ vào trước kết quả.

Ta thực hiện: $(14,3) \cdot (-2,5) = -(|14,3| \cdot |-2,5|) = -(14,3 \cdot 2,5) = -35,75$.

* Phép tính $(14,3) : (-2,5)$ là phép chia số dương cho số âm, ta chia hai giá trị tuyệt đối của chúng rồi thêm dấu trừ vào trước kết quả.

Ta thực hiện: $(14,3) : (-2,5) = -(|14,3| : |2,5|) = -(14,3 : 2,5) = -5,72$.

Vậy $(-14,3) \cdot (-2,5) = 35,75$; $(-14,3) : (-2,5) = 5,72$;

$(-14,3) \cdot (2,5) = -35,75$; $(-14,3) : (2,5) = -5,72$;

$(14,3) \cdot (-2,5) = -35,75$; $(14,3) : (-2,5) = -5,72$.

Thực hành 3 trang 35 Toán lớp 6 Tập 2: Thực hiện các phép tính sau:

a) $(-45,5) \cdot 0,4$;

b) $(-32,2) \cdot (-0,5)$;

c) $(-9,66) : 3,22$;

d) $(-88,24) : (-0,2)$.

Lời giải:

a) Phép tính $(-45,5) \cdot 0,4$ là phép nhân hai số thập phân khác dấu.

Ta lấy số đối của số thập phân âm là 45,5 nhân với số thập phân dương là 0,4 rồi thêm dấu trừ trước kết quả, ta được:

$$(-45,5) \cdot 0,4 = -(45,5 \cdot 0,4) = -18,2.$$

Vậy $(-45,5) \cdot 0,4 = -18,2$.

b) Phép tính $(-32,2) \cdot (-0,5)$ là phép nhân hai số thập phân cùng âm, ta nhân hai số đối của chúng, ta được:

$$(-32,2) \cdot (-0,5) = 32,2 \cdot 0,5 = 16,1.$$

Vậy $(-32,2) \cdot (-0,5) = 16,1.$

c) Phép tính $(-9,66) : 3,22$ là phép chia hai số thập phân khác dấu.

Ta lấy số đối của số thập phân âm là 9,66 chia cho số thập phân dương là 3,22 rồi thêm dấu trừ trước kết quả, ta được:

$$(-9,66) : 3,22 = -(9,66 : 3,22) = -3.$$

Vậy $(-9,66) : 3,22 = -3.$

d) Phép tính $(-88,24) : (-0,2)$ là phép chia hai số thập phân cùng âm, ta chia hai số đối của chúng, ta được:

$$(-88,24) : (-0,2) = 88,24 : 0,2 = 441,2.$$

Vậy $(-88,24) : (-0,2) = 441,2.$

Hoạt động khám phá 4 trang 35 Toán lớp 6 Tập 2: So sánh kết quả của các phép tính:

a) $2,1 + 3,2$ và $3,2 + 2,1$;

b) $(2,1 + 3,2) + 4,5$ và $2,1 + (3,2 + 4,5)$;

c) $(-1,2) \cdot (-0,5)$ và $(-0,5) \cdot (-1,2)$;

d) $(2,4 \cdot 0,2) \cdot (-0,5)$ và $2,4 \cdot [0,2 \cdot (-0,5)]$;

e) $0,2 \cdot (1,5 + 8,5)$ và $0,2 \cdot 1,5 + 0,2 \cdot 8,5.$

Lời giải:

Ta thực hiện các phép tính rồi so sánh kết quả như sau:

a) Ta có: $2,1 + 3,2 = 5,3$ và $3,2 + 2,1 = 5,3$

Do đó: $2,1 + 3,2 = 3,2 + 2,1 = 5,3.$

Vậy $2,1 + 3,2 = 3,2 + 2,1$.

b) Ta có: $(2,1 + 3,2) + 4,5 = 5,3 + 4,5 = 9,8$;

$2,1 + (3,2 + 4,5) = 2,1 + 7,7 = 9,8$.

Do đó $(2,1 + 3,2) + 4,5 = 2,1 + (3,2 + 4,5) = 9,8$.

Vậy $(2,1 + 3,2) + 4,5 = 2,1 + (3,2 + 4,5)$.

c) Ta có: $(-1,2) \cdot (-0,5) = 1,2 \cdot 0,5 = 0,6$;

$(-0,5) \cdot (-1,2) = 0,5 \cdot 1,2 = 0,6$.

Do đó $(-1,2) \cdot (-0,5) = (-0,5) \cdot (-1,2) = 0,6$.

Vậy $(-1,2) \cdot (-0,5) = (-0,5) \cdot (-1,2)$.

d) Ta có: $(2,4 \cdot 0,2) \cdot (-0,5) = 0,48 \cdot (-0,5) = -(0,48 \cdot 0,5) = -0,24$;

$2,4 \cdot [0,2 \cdot (-0,5)] = 2,4 \cdot [-(0,2 \cdot 0,5)] = 2,4 \cdot (-0,1) = -0,24$.

Do đó $(2,4 \cdot 0,2) \cdot (-0,5) = 2,4 \cdot [0,2 \cdot (-0,5)] = -0,24$.

Vậy $(2,4 \cdot 0,2) \cdot (-0,5) = 2,4 \cdot [0,2 \cdot (-0,5)]$.

e) Ta có: $0,2 \cdot (1,5 + 8,5) = 0,2 \cdot 10 = 2$;

$0,2 \cdot 1,5 + 0,2 \cdot 8,5 = 0,3 + 1,7 = 2$.

Do đó $0,2 \cdot (1,5 + 8,5) = 0,2 \cdot 1,5 + 0,2 \cdot 8,5 = 0,3 + 1,7 = 2$.

Vậy $0,2 \cdot (1,5 + 8,5) = 0,2 \cdot 1,5 + 0,2 \cdot 8,5$.

Thực hành 4 trang 36 Toán lớp 6 Tập 2: Tính bằng cách hợp lí:

a) $4,38 - 1,9 + 0,62$;

b) $[(-100) \cdot (-1,6)] : (-2)$;

c) $(2,4 \cdot 5,55) : 1,11$;

d) $100 \cdot (2,01 + 3,99)$.

Lời giải:

$$\begin{aligned} \text{a) } & 4,38 - 1,9 + 0,62 \\ & = 4,38 + 0,62 - 1,9 \text{ (Tính chất giao hoán)} \\ & = 5 - 1,9 \\ & = 3,1. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } & [(-100) \cdot (-1,6)] : (-2) \\ & = 100 \cdot 1,6 : (-2) \\ & = 160 : (-2) \\ & = -(160 : 2) \\ & = -80. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{c) } & (2,4 \cdot 5,55) : 1,11 \\ & = 2,4 \cdot (5,55 : 1,11) \text{ (Tính chất chia một tích cho một số)} \\ & = 2,4 \cdot 5 \\ & = 12. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{d) } & 100 \cdot (2,01 + 3,99) \\ & = 100 \cdot 6 \\ & = 600. \end{aligned}$$

Vận dụng 3 trang 36 Toán lớp 6 Tập 2: Tính diện tích S của một hình tròn có bán kính $R = 10$ cm theo công thức $S = \pi R^2$ với $\pi = 3,142$.

Lời giải:

Diện tích của hình tròn là:

$$S = \pi R^2 = 3,141 \cdot 10^2 = 3,141 \cdot 100 = 314,2 \text{ (cm}^2\text{)}.$$

Vậy diện tích của hình tròn có bán kính $R = 10$ cm là $314,2 \text{ cm}^2$.

Thực hành 5 trang 36 Toán lớp 6 Tập 2: Tính bằng cách hợp lí:

a) $14,7 + (-8, 4) + (-4,7)$;

b) $(-4,2) \cdot 5,1 + 5,1 \cdot (-5,8)$;

c) $(-0,4 : 0,04 + 10) \cdot (1,2 \cdot 20 + 12 \cdot 8)$.

Lời giải:

a) $14,7 + (-8, 4) + (-4,7)$

$= 14,7 + (-4,7) + (-8,4)$ (Tính chất giao hoán)

$= 14,7 - 4,7 + (-8,4)$

$= 10 - 8,4$

$= 1,6$.

b) $(-4,2) \cdot 5,1 + 5,1 \cdot (-5,8)$

$= 5,1 \cdot [(-4,2) + (-5,8)]$ (Tính chất phân phối giữa phép nhân đối với phép cộng)

$= 5,1 \cdot (-10)$

$= -(5,1 \cdot 10)$

$= -51$.

c) Nhận thấy: Trong tích $(-0,4 : 0,04 + 10) \cdot (1,2 \cdot 20 + 12 \cdot 8)$ có thừa số $(-0,4 : 0,04 + 10) = (-10 + 10) = 0$.

Mà bất kỳ số nào nhân với 0 cũng bằng 0 nên ta không cần phải thực hiện phép tính thừa số còn lại.

Ta có: $(-0,4 : 0,04 + 10) \cdot (1,2 \cdot 20 + 12 \cdot 8)$

$= (-10 + 10) \cdot (1,2 \cdot 20 + 12 \cdot 8)$

$= 0 \cdot (1,2 \cdot 20 + 12 \cdot 8) = 0$.

Giải bài tập SGK Toán 6 Chân trời sáng tạo Bài 2**Bài 1 trang 36 Toán lớp 6 Tập 2:** Thực hiện các phép tính sau:

a) $32 - (-1,6)$;

b) $(-0,5) \cdot 1,23$;

c) $(-2,3) + (-7,7)$;

d) $0,325 - 3,21$.

Lời giải:

a) $32 - (-1,6) = 32 + 1,6 = 33,6$;

b) $(-0,5) \cdot 1,23 = -(0,5 \cdot 1,23) = -0,615$;

c) $(-2,3) + (-7,7) = -(2,3 + 7,7) = -10$;

d) $0,325 - 3,21 = -(3,21 - 0,325) = -2,885$.

Bài 2 trang 36 Toán lớp 6 Tập 2: Thực hiện phép tính:

a) $(-8,4) \cdot 3,2$;

b) $3,176 - (2,104 + 1,18)$;

c) $-(2,89 - 8,075) + 3,14$.

Lời giải:

a) $(-8,4) \cdot 3,2 = -(8,4 \cdot 3,2) = -26,88$;

b) $3,176 - (2,104 + 1,18)$

Cách 1: Thực hiện phép tính theo thứ tự trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau.

$$3,176 - (2,104 + 1,18)$$

$$= 3,176 - 3,284$$

$$= -0,108.$$

Cách 2: Áp dụng quy tắc bỏ ngoặc rồi thực hiện phép tính.

$$3,176 - (2,104 + 1,18)$$

$$= 3,176 - 2,104 - 1,18$$

$$= 1,072 - 1,18$$

$$= -0,108.$$

$$c) -(2,89 - 8,075) + 3,14$$

$$= (-2,89) + 8,075 + 3,14$$

$$= 5,185 + 3,14$$

$$= 8,325.$$

Bài 3 trang 37 Toán lớp 6 Tập 2: Tính bằng cách hợp lí:

$$a) (-4,5) + 3,6 + 4,5 + (-3,6);$$

$$b) 2,1 + 4,2 + (-7,9) + (-2,1) + 7,9;$$

$$c) (-3,6) \cdot 5,4 + 5,4 \cdot (-6,4).$$

Lời giải:

$$a) (-4,5) + 3,6 + 4,5 + (-3,6)$$

$$= (-4,5) + 4,5 + 3,6 + (-3,6) \text{ (Tính chất giao hoán)}$$

$$= [(-4,5) + 4,5] + [3,6 + (-3,6)] \text{ (Tính chất kết hợp)}$$

$$= 0 + 0 = 0.$$

$$b) 2,1 + 4,2 + (-7,9) + (-2,1) + 7,9$$

$$= 2,1 + (-2,1) + (-7,9) + 7,9 + 4,2 \text{ (Tính chất giao hoán)}$$

$$= [2,1 + (-2,1)] + [(-7,9) + 7,9] + 4,2 \text{ (Tính chất kết hợp)}$$

$$= 0 + 0 + 4,2$$

$$= 4,2.$$

$$c) (-3,6) \cdot 5,4 + 5,4 \cdot (-6,4)$$

$$= 5,4 \cdot [(-3,6) + (-6,4)] \text{ (Tính chất phân phối giữa phép nhân đối với phép cộng)}$$

$$= 5,4 \cdot (-10)$$

$$= -(5,4 \cdot 10)$$

$$= -54.$$

Bài 4 trang 37 Toán lớp 6 Tập 2: Tính diện tích một hình chữ nhật có chiều dài 31,21 cm và chiều rộng 22,52 cm.

Lời giải:

Diện tích của hình chữ nhật đó là:

$$31,21 \cdot 22,52 = 702,8492 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Vậy diện tích của hình chữ nhật là 702,8492 cm².

Bài 5 trang 37 Toán lớp 6 Tập 2: Khối lượng vitamin C trung bình trong một quả ớt chuông là 0,135 g, còn trong một quả cam là 0,045 g. Khối lượng vitamin C trong quả ớt chuông gấp bao nhiêu lần trong quả cam?

Lời giải:

Khối lượng vitamin C trong quả ớt chuông gấp số lần trong quả cam là:

$$0,135 : 0,045 = 135 : 45 = 3 \text{ (lần)}.$$

Vậy khối lượng vitamin C trong quả ớt chuông gấp 3 lần trong quả cam.

Bài 6 trang 37 Toán lớp 6 Tập 2: Tính chu vi của một hình tròn có bán kính R = 1,25 m theo công thức $C = 2\pi R$ với $\pi = 3,142$.

Lời giải:

Chu vi của hình tròn đó là:

$$C = 2\pi R = 2 \cdot 3,142 \cdot 1,25 = 7,855 \text{ (m)}.$$

Vật hình tròn có bán kính $R = 1,25$ m có chu vi là 7,855 m.

►► **CLICK NGAY** vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để tải về **Giải bài tập Toán lớp 6 Bài 2: Các phép tính với số thập phân Chân trời sáng tạo** (đầy đủ nhất) file PDF hoàn toàn miễn phí. Hy vọng với bộ tài liệu này thì các em học sinh sẽ học tốt môn Toán lớp 6 nhé!